TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHU NGHIA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HS- ST
Ngày: 27- 4- 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Đình Hà
2. Ông Nguyễn Đình Đại.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2022/TLST- HS ngày 17 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:11/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 04, ngày 15 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L- sinh ngày 01 tháng 6 năm 1994 tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không có; nơi cư trú: Khu Đ1, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Ch sinh năm 1970 và bà Vương Thị Hồng L1 sinh năm 1973; có chồng là Nguyễn Văn T sinh năm 1987 và 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/12/2021 đến ngày 16/02/2022, hiện tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

- Bị hại: Chị Lê Thúy M- sinh năm 1981
Địa chỉ: Khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Nông nghiệp P, địa chỉ trụ sở tại khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ thuê tầng 1 nhà ở của anh Nguyễn Song T1, sinh năm 1979 ở khu T, thị trấn Đ làm Cửa hàng phân phối, bán buôn, bán lẻ hạt giống, thuốc bảo

vệ thực vật. Chị Lê Thúy M sinh năm 1981 là vợ của anh T1 được thuê làm quản lý, trông coi cửa hàng.

Khoảng đầu tháng 10/2021, Nguyễn Thị L sinh năm 1994, ở khu Đ1, xã C, huyện Đ được Công ty TNHH Nông nghiệp P thuê làm nhân viên bán hàng. Hàng ngày chị M giao cho L trông coi nhà ở và toàn bộ cửa hàng nên L được tự do đi lại trong nhà.

Trong quá trình bán hàng thuê, có lần L được chị M dẫn lên tầng 2 nhà chị M xem hoa phong lan ở ban công. Khi đi qua phòng thờ đặt tại tầng 2, L nhìn thấy trên bàn thờ có 02 ống hình con lợn dùng đựng tiền tiết kiệm (một con lợn nhựa màu vàng và một con lợn sứ, vẽ nhiều màu; trên mỗi con lợn đều có khe đút tiền, kích thước 03cmx 0,8 cm). L nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong 02 ống đựng tiền tiết kiệm này. Thời gian sau đó, lợi dụng khi gia đình chị M không có ai ở nhà, L tắt nguồn điện camera lắp tại cửa hàng rồi đi vào nhà, lấy chiếc kéo bằng nhựa màu đỏ dài 20cm, phần lưỡi kéo bằng kim loại dài 13cm,có đầu nhọn của gia đình chị M để trên kệ để đồ trong phòng tắm tầng 1, rồi đi lên phòng thờ tại tầng 2. L dùng tay trái cầm ống đựng tiền tiết kiệm hình con lợn dốc ngược để tiền bên trong dồn về phía khe đút tiền, tay phải cầm kéo, dùng mũi kéo đưa vào khe đút tiền, gắp các tờ tiền bên trong ống, rút tiền ra ngoài kiểm đếm rồi cất vào túi áo mặc trên người, đi xuống phòng tắm tại tầng 1 cất chiếc kéo vào vị trí cũ, sau đó đi ra bật nguồn điện camera tại cửa hàng, bán hàng như bình thường. Từ ngày 22/10/2021 đến ngày 13/12/2021, bằng cách thức như trên, L đã thực hiện 22 lần trộm cắp được tổng số 25.335.000đ (hai mươi lăm triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) trong 02 ống đựng tiền tiết kiệm hình con lợn của chị M, cụ thể:

Lần 1: Ngày 22/10/2021, L trộm cắp được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 2: ngày 25/10/2021, L trộm cắp được số tiền 500.000 đồng.

Lần 3: ngày 26/10/2021, L trộm cắp được số tiền 2.000.000 đồng.

Lần 4: ngày 29/10/2021, L trộm cắp được số tiền 500.000 đồng.

Lần 5: ngày 03/11/2021, L trộm cắp được tiền 1.000.000 đồng.

Lần 6: ngày 06/11/2021, L trộm cắp được số tiền 2.000.000 đồng.

Lần 7: ngày 09/11/2021, L trộm cắp được số tiền 3.000.000 đồng.

Lần 8: ngày 10/11/2021, L trộm cắp được số tiền 500.000 đồng.

Lần 9: ngày 13/11/2021, L trộm cắp được tổng số tiền 700.000 đồng.

Lần 10: ngày 15/11/2021, L trộm cắp được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 11: ngày 16/11/2021, L trộm cắp được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 12: ngày 17/11/2021, L trộm cắp được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 13: ngày 18/11/2021, L trộm cắp được số tiền 500.000 đồng.

Lần 14: ngày 23/11/2021, L trộm cắp được số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 15: ngày 24/11/2021, L trộm cắp được số tiền 2.000.000 đồng.

Lần 16: ngày 26/11/2021, L trộm cắp được tiền 500.000 đồng.

Lần 17: ngày 27/11/2021, L trộm cắp được số tiền 200.000 đồng.

Lần 18: ngày 28/11/2021, L trộm cắp được số tiền 500.000 đồng.

Lần 19: ngày 29/11/2021, L trộm cắp được số tiền 2.000.000 đồng.

Lần 20: ngày 02/12/2021, L trộm cắp số tiền 3.235.000 đồng.

Lần 21: ngày 04/12/2021, L trộm cắp được số tiền 500.000 đồng.

Lần 22: ngày 06/12/2021, L trộm cắp được số tiền 700.000 đồng.

Toàn bộ số tiền trộm cắp được, Nguyễn Thị L đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Ngoài 22 lần trộm cắp tiền trong 02 ống đựng tiền tiết kiệm nêu trên, L còn 01 lần trộm cắp ví đựng tiền của chị M, cụ thể:

Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 13/12/2021, gia đình chị M không có ai ở nhà, L nhìn thấy trong chiếc túi xách của chị M đặt trên ghế cạnh bàn uống nước không kéo xéc có chiếc ví kích thước: 16cm x 8cm, chất liệu giả da, mặt ngoài màu nâu, trên bề mặt ví có các đường kẻ caro màu nâu sẫm. Vì ghét chị M nên L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc ví sau đó vứt đi để cho chị M phải tìm kiếm. L tắt nguồn điện camera lắp tại cửa hàng, rồi đi vào phòng khách trộm cắp chiếc ví trên, cất vào túi áo sau đó đi ra bật nguồn camera, tiếp tục bán hàng. L không kiểm tra bên trong chiếc ví giả da đã trộm cắp của chị M có tài sản, giấy tờ gì hay không, mà đợi đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, trên đường về nhà khi đi đến cầu Đ thuộc địa phận thị trấn Đ, L đã vứt chiếc ví trên mặt cầu , cạnh lan can phía bên phải cầu theo hướng thị trấn Đ đi tỉnh Tuyên Quang. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã truy tìm nhưng không thấy chiếc ví nói trên.

Ngày 17/01/2022, Hội đồng định giá tài sản huyện Đ kết luận: chiếc ví giả da L trộm cắp của chị M có trị giá là 110.000đ (một trăm mười nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra, chị Lê Thúy M trình bày: Gia đình chị còn bị trộm cắp 02 tập tiền polime đựng trong túi xách để trong phòng ngủ, tổng số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng), trong đó có 2.000.000đ (hai triệu đồng) gồm 100 tờ mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) và 1.000.000đ (một triệu đồng) gồm 100 tờ mệnh giá 10.000đ (mười nghìn đồng). Trong chiếc ví giả da bị L trộm cắp ngày 13/12/2021 có 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng). Khoảng 22 giờ ngày 14/12/2021, chị Lê Thúy M kiểm tra, phát hiện tiền tiết kiệm của chị M đựng trong hai ống đựng tiền tiết kiệm hình con lợn (một làm bằng nhựa, một làm bằng sứ) đặt trên mặt bàn thờ tại tầng 2 bị trộm cắp, tổng số tiền khoảng 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Tuy nhiên, Nguyễn Thị L không thừa nhận có trộm cắp của chị M 02 khoản tiền như chị M trình bày trên.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT- VKSĐH ngày 14/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố Nguyễn Thị L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội: Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị L từ 27 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Khấu trừ 05% thu nhập/tháng của Nguyễn Thị L trong thời gian chấp hành án = 2.000.000 đ x 05%/tháng = 100.000 đồng/tháng. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Trường hợp Nguyễn Thị L không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự : Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Lê Thúy M 02 ống hình con lợn dùng đựng tiền tiết kiệm.

- Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự: Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị L đã bồi thường cho chị Lê Thúy M số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng).

- Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.0000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

Kết thúc phần tranh luận, Nguyễn Thị L nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết việc làm của mình là sai trái. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong vụ án này, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Thị L khai nhận:

Trong khoảng thời gian bán hàng thuê tại nhà chị Lê Thúy M ở khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, từ ngày 22/10/2021 đến ngày 06/12/2021 Nguyễn Thị L đã 22 lần dùng kéo gắp các tờ tiền đựng trong 02 ống đựng tiền tiết kiệm hình con lợn mà gia đình chị M để trên ban thờ tại tầng 2, lấy được tổng số tiền là 25.335.000đ (hai mươi lăm triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) . Ngày 13/12/2021, L trộm cắp 01 ví giả da trị của chị M rồi đem vứt bỏ, trị giá chiếc ví là 110.000đ (một trăm mười nghìn đồng). Trong 23 lần trộm cắp nói trên có 06 lần số tiền trộm cắp của mỗi lần từ 2.000.000đ (hai triệu đồng) trở lên. Tổng trị giá tài sản L trộm cắp của chị M là 25.445.000đ (hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm

nghìn đồng). Toàn bộ số tiền trộm cắp được, Nguyễn Thị L đã chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, chị Lê Thị Mai còn khai bị mất 3.000.000đ để trong phòng ngủ và 3.300.000đ trong chiếc ví giả da .Nguyễn Thị L chỉ thừa nhận hành vi trộm cắp tiền trong 02 con lợn tiết kiệm và trộm cắp chiếc ví của chị M rồi vứt bỏ, không biết bên trong có những gì. Ngoài lời khai của chị M không có tài liệu nào chứng minh nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm của Nguyễn Thị L đối với hai khoản tiền chị M khai bị mất như trên.

[3]. Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra, kết quả thực nghiệm điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác như nêu trên của Nguyễn Thị L đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

2……".

[4]. Hành vi của Nguyễn Thị L đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tội phạm mà bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy Nguyễn Thị L được áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Xét thấy Nguyễn Thị L có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục bị cáo. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với Nguyễn Thị L là có căn cứ, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Do Nguyễn Thị L không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự, trong thời gian chấp hành án, người bị phạt cải tạo không giam giữ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Tại phiên tòa, Nguyễn Thị L khai, bị cáo có 02 con, trong đó con nhỏ mới 22 tháng tuổi; khi nhờ được người trông con thì bị cáo đi bán hoa quả rong, thu nhập bình quân hiện nay khoảng 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, khấu trừ 05% thu nhập của bị cáo trong thời gian

chấp hành án (2.000.000 đ/tháng x 05%= 100.000 đồng/tháng) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[8]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã trả cho chị Lê Thúy M 02 ống hình con lợn dùng đựng tiền tiết kiệm. Việc xử lý vật chứng đúng quy định của pháp luật, cần xác nhận.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị L đã bồi thường xong cho bị hại, tổng số tiền là 33.000.000 đồng. Số tiền này lớn hơn số tiền được xác định bị cáo chiếm đoạt của bị hại, tuy nhiên việc bồi thường của bị cáo là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cần xác nhận. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác, nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 1, 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

* Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt Nguyễn Thị L 27 (Hai mươi bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao Nguyễn Thị L cho UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ, Nguyễn Thị L phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự. Nếu Nguyễn Thị L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

- Khấu trừ thu nhập của Nguyễn Thị L trong thời gian chấp hành án là 100.000 đồng/tháng (Một trăm nghìn đồng một tháng). Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng.

Trường hợp Nguyễn Thị L không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Nguyễn Thị L.

* Về xử lý vật chứng:

- Xác nhận: Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đ đã trả cho chị Lê Thúy M 02 ống hình con lợn dùng đựng tiền tiết kiệm.

(Có biên bản về việc trả lại tài sản lưu trong hồ sơ).

* Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị L đã bồi thường xong cho chị Lê Thúy M, tổng số tiền là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng).

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND xã C;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Minh Hòa